



**ĐẠI HỌC THÁI NGUYÊN**  
**HỘI ĐỒNG THI TIẾNG TRUNG HSK**

**DANH SÁCH THI ĐÁNH GIÁ NĂNG LỰC TIẾNG TRUNG**  
**HỘI ĐỒNG THI NGÀY 11.1.2026 - TRÌNH ĐỘ HSKK Sơ cấp - LE 4.15**

| STT | SBD                 | Họ và tên             | Giới tính | Ngày sinh  | Số CCCD/Hộ chiếu | Phòng thi | Ghi chú |
|-----|---------------------|-----------------------|-----------|------------|------------------|-----------|---------|
| 1   | H72620850200000001  | DOAN THU TRANG        | 女         | 2004-12-20 | 024304007070     | LE 4.15   |         |
| 2   | H72620850200000002  | HO THI HUYEN TRANG    | 女         | 2004-01-09 | 040304008368     | LE 4.15   |         |
| 3   | II72620850200000003 | VU YFN TRANG          | 女         | 2008-11-10 | 027308007985     | LE 4.15   |         |
| 4   | H72620850200000004  | NGUYEN THI NGOC TRANG | 女         | 2003-02-01 | 027303003319     | LE 4.15   |         |
| 5   | H72620850200000005  | LE THI HUYEN TRANG    | 女         | 2008-11-02 | 024308010484     | LE 4.15   |         |
| 6   | H72620850200000006  | LAI THI TRUC          | 女         | 2004-03-26 | 034304009735     | LE 4.15   |         |
| 7   | H72620850200000007  | NGUYEN HAI TRUNG      | 男         | 2003-09-08 | 231203000056     | LE 4.15   |         |
| 8   | H72620850200000008  | NGUYEN VAN TUAN       | 男         | 2008-12-20 | 027208011416     | LE 4.15   |         |
| 9   | H72620850200000009  | NGUYEN THANH TUNG     | 男         | 2005-12-12 | 001205052959     | LE 4.15   |         |
| 10  | H72620850200000010  | NGUYEN DUY TUNG       | 男         | 2006-07-27 | 001206026718     | LE 4.15   |         |
| 11  | H72620850200000011  | NGUYEN SON TUNG       | 男         | 2008-08-27 | 034208018844     | LE 4.15   |         |
| 12  | H72620850200000012  | HOANG VAN TUYEN       | 男         | 2003-09-08 | 024203004320     | LE 4.15   |         |
| 13  | H72620850200000013  | DO PHUONG THAO UYEN   | 女         | 1995-02-14 | 079195017558     | LE 4.15   |         |
| 14  | H72620850200000014  | NGUYEN LE PHUONG UYEN | 女         | 2007-09-04 | 001307051972     | LE 4.15   |         |
| 15  | H72620850200000015  | PHAM THU UYEN         | 女         | 2009-11-26 | 038309024879     | LE 4.15   |         |
| 16  | H72620850200000016  | VU THI TO UYEN        | 女         | 2013-07-17 | 022313012537     | LE 4.15   |         |
| 17  | H72620850200000017  | NGUYEN THI BICH VIET  | 女         | 2004-04-01 | 034304000565     | LE 4.15   |         |
| 18  | H72620850200000018  | TRAN VAN VINH         | 男         | 1996-02-12 | 038096007667     | LE 4.15   |         |
| 19  | H72620850200000019  | NGO THE VINH          | 男         | 2009-09-07 | 024209010843     | LE 4.15   |         |
| 20  | H72620850200000020  | NGUYEN THI HONG Y     | 女         | 2005-05-27 | 040305024702     | LE 4.15   |         |
| 21  | H72620850200000021  | DIEM THI HAI YEN      | 女         | 2008-04-28 | 024308004470     | LE 4.15   |         |
| 22  | H72620850200000022  | NGUYEN THI HAI YEN    | 女         | 2004-09-22 | 037304003448     | LE 4.15   |         |



**DANH SÁCH THI ĐÁNH GIÁ NĂNG LỰC TIẾNG TRUNG**  
**HỘI ĐỒNG THI NGÀY 11.1.2026 - TRÌNH ĐỘ HSKK Sơ cấp - LE 4.16**

| STT | SBD                | Họ và tên               | Giới tính | Ngày sinh  | Số CCCD/Hộ chiếu | Phòng thi | Ghi chú |
|-----|--------------------|-------------------------|-----------|------------|------------------|-----------|---------|
| 1   | H72620850200000023 | NGUYEN DANG ANH THU     | 女         | 2008-12-06 | 015308007969     | LE 4.16   |         |
| 2   | H72620850200000024 | NGUYEN THI MINH THU     | 女         | 2001-07-20 | 033301001456     | LE 4.16   |         |
| 3   | H72620850200000025 | TRAN ANH THU            | 女         | 2009-09-01 | 025309008811     | LE 4.16   |         |
| 4   | H72620850200000026 | THAN THI THIEN THU      | 女         | 2008-01-28 | 024308000633     | LE 4.16   |         |
| 5   | H72620850200000027 | LE DAC THU              | 女         | 2009-10-18 | 027209005788     | LE 4.16   |         |
| 6   | H72620850200000028 | DANG KHANH THU          | 女         | 2008-12-10 | 001308001210     | LE 4.16   |         |
| 7   | H72620850200000029 | PHAM THI MINH THU       | 女         | 2008-01-10 | 001308003325     | LE 4.16   |         |
| 8   | H72620850200000030 | NGUYEN THI THUONG       | 女         | 2005-07-24 | 024305004996     | LE 4.16   |         |
| 9   | H72620850200000031 | NGUYEN THI NGOC THUONG  | 女         | 2002-09-20 | 052302007676     | LE 4.16   |         |
| 10  | H72620850200000032 | CHU THI HOAI THUONG     | 女         | 2003-12-08 | 019303001895     | LE 4.16   |         |
| 11  | H72620850200000033 | THAN THANH THUY         | 女         | 2010-03-26 | 019310002107     | LE 4.16   |         |
| 12  | H72620850200000034 | BUI THI THUY            | 女         | 2002-10-31 | 024302000906     | LE 4.16   |         |
| 13  | H72620850200000035 | HOANG THI THUY          | 女         | 1993-10-07 | 040193027186     | LE 4.16   |         |
| 14  | H72620850200000036 | HOANG THI THANH THUY    | 女         | 2002-09-17 | 024302007258     | LE 4.16   |         |
| 15  | H72620850200000037 | TRAN VAN TIEN           | 男         | 2009-09-21 | 024209016317     | LE 4.16   |         |
| 16  | H72620850200000038 | DANG THI TINH           | 女         | 2009-06-24 | 027309010647     | LE 4.16   |         |
| 17  | H72620850200000039 | BAN THI TINH            | 女         | 2003-12-08 | 014303012889     | LE 4.16   |         |
| 18  | H72620850200000040 | NONG DUC TOAN           | 男         | 2002-06-23 | 024202006187     | LE 4.16   |         |
| 19  | H72620850200000041 | PHAM HUYEN TRAN         | 女         | 2004-07-09 | 022304001154     | LE 4.16   |         |
| 20  | H72620850200000042 | NGUYEN DUONG HUYEN TRAN | 女         | 2006-09-30 | 064306015766     | LE 4.16   |         |
| 21  | H72620850200000043 | CHU THI THUY TRANG      | 女         | 2004-09-06 | 019304004764     | LE 4.16   |         |
| 22  | H72620850200000044 | TRIEU THI KIEU TRANG    | 女         | 2005-05-19 | 026305003102     | LE 4.16   |         |







**ĐẠI HỌC THÁI NGUYÊN**  
**HỘI ĐỒNG THI TIẾNG TRUNG HSK**

**DANH SÁCH THI ĐÁNH GIÁ NĂNG LỰC TIẾNG TRUNG**  
**HỘI ĐỒNG THI NGÀY 11.1.2026 - TRÌNH ĐỘ HSKK Sơ cấp - LE 5.19**

| STT | SBD                | Họ và tên               | Giới tính | Ngày sinh  | Số CCCD/Hộ chiếu | Phòng thi | Ghi chú |
|-----|--------------------|-------------------------|-----------|------------|------------------|-----------|---------|
| 1   | H72620850200000045 | NGUYEN THI NGOC MAI     | 女         | 2003-10-29 | 024303003846     | LE 5.19   |         |
| 2   | H72620850200000046 | NGUYEN THI NGOC MAI     | 女         | 2008-12-31 | 001308053133     | LE 5.19   |         |
| 3   | H72620850200000047 | VU DINH MANH            | 男         | 2005-05-14 | 024205001118     | LE 5.19   |         |
| 4   | H72620850200000048 | NGUYEN NGOC MINH        | 女         | 2004-11-08 | 096304001495     | LE 5.19   |         |
| 5   | H72620850200000049 | NGUYEN DUC MINH         | 男         | 2008-07-01 | 024208012291     | LE 5.19   |         |
| 6   | H72620850200000050 | THAN BAO MINH           | 男         | 2008-11-13 | 024208006003     | LE 5.19   |         |
| 7   | H72620850200000051 | DO THAO MY              | 女         | 2008-09-24 | 020308001192     | LE 5.19   |         |
| 8   | H72620850200000052 | TRAN HA MY              | 女         | 2003-07-09 | 036303003968     | LE 5.19   |         |
| 9   | H72620850200000053 | NGUYEN TRAN THAO MY     | 女         | 2004-01-02 | 040304002289     | LE 5.19   |         |
| 10  | H72620850200000054 | NGUYEN THI HA MY        | 女         | 2004-03-14 | 038304008677     | LE 5.19   |         |
| 11  | H72620850200000055 | LE THI TRA MY           | 女         | 2003-01-13 | 026303005707     | LE 5.19   |         |
| 12  | H72620850200000056 | PHUNG THI LE NA         | 女         | 2009-04-07 | 0403090223528    | LE 5.19   |         |
| 13  | H72620850200000057 | NGUYEN HUU NAM          | 男         | 2008-08-14 | 027208005757     | LE 5.19   |         |
| 14  | H72620850200000058 | LE THANH NGA            | 女         | 2014-10-06 | 022314008868     | LE 5.19   |         |
| 15  | H72620850200000059 | LUU THANH NGA           | 女         | 2003-08-16 | 035303001251     | LE 5.19   |         |
| 16  | H72620850200000060 | NGUYEN THU NGAN         | 女         | 2008-09-13 | 027308009885     | LE 5.19   |         |
| 17  | H72620850200000061 | PHAN THI BAO NGOC       | 女         | 2009-11-28 | 040309005147     | LE 5.19   |         |
| 18  | H72620850200000062 | NGUYEN PHUONG NGOC DIEP | 女         | 2008-09-12 | 025308011435     | LE 5.19   |         |
| 19  | H72620850200000063 | LE BICH NGOC            | 女         | 1994-12-11 | 025194003454     | LE 5.19   |         |
| 20  | H72620850200000064 | NGUYEN THI BAO NGOC     | 女         | 2009-07-05 | 026309003431     | LE 5.19   |         |
| 21  | H72620850200000065 | CHU YEN NGOC            | 女         | 2008-05-08 | 027308009601     | LE 5.19   |         |
| 22  | H72620850200000066 | PHUNG THAO NGUYEN       | 女         | 2008-09-08 | 001308009403     | LE 5.19   |         |





**DANH SÁCH THI ĐÁNH GIÁ NĂNG LỰC TIẾNG TRUNG**  
**HỘI ĐỒNG THI NGÀY 11.1.2026 - TRÌNH ĐỘ HSKK Sơ cấp - LE4.22**

| STT | SBD                | Họ và tên              | Giới tính | Ngày sinh  | Số CCCD/Hộ chiếu | Phòng thi | Ghi chú |
|-----|--------------------|------------------------|-----------|------------|------------------|-----------|---------|
| 1   | H72620850200000067 | BUI BA NGUYEN          | 男         | 2008-01-01 | 040208017914     | LE4.22    |         |
| 2   | H72620850200000068 | PHAM KHOI NGUYEN       | 男         | 2014-06-01 | P02700193        | LE4.22    |         |
| 3   | H72620850200000069 | TRAN DINH NGUYEN       | 男         | 1993-06-02 | 040093000286     | LE4.22    |         |
| 4   | H72620850200000070 | DO KHOI NGUYEN         | 男         | 2009-10-02 | 001209059379     | LE4.22    |         |
| 5   | H72620850200000071 | TRINH THI THAO NGUYEN  | 女         | 2000-11-24 | 019300004103     | LE4.22    |         |
| 6   | H72620850200000072 | DANG THANH NHAN        | 女         | 2009-11-30 | 034309009251     | LE4.22    |         |
| 7   | H72620850200000073 | VU YEN NHI             | 女         | 2010-02-03 | 035310004368     | LE4.22    |         |
| 8   | H72620850200000074 | VU YEN NHI             | 女         | 2008-11-10 | 027308002347     | LE4.22    |         |
| 9   | H72620850200000075 | DINH THI YEN NHI       | 女         | 2008-11-04 | 038308006618     | LE4.22    |         |
| 10  | H72620850200000076 | BUI THI QUYNH NHU      | 女         | 2010-07-20 | 036310002283     | LE4.22    |         |
| 11  | H72620850200000077 | TRAN THI TUYET NHUNG   | 女         | 2003-03-14 | 026303007040     | LE4.22    |         |
| 12  | H72620850200000078 | NGUYEN THI KIM OANH    | 女         | 2008-01-14 | 024308005150     | LE4.22    |         |
| 13  | H72620850200000079 | DANG BAO PHUC          | 男         | 2005-10-03 | 001205038899     | LE4.22    |         |
| 14  | H72620850200000080 | TRAN THI THANH PHUONG  | 女         | 2005-04-13 | 019305001631     | LE4.22    |         |
| 15  | H72620850200000081 | NGUYEN KHANH PHUONG    | 女         | 2009-12-22 | 001309028005     | LE4.22    |         |
| 16  | H72620850200000082 | DAO THI PHUONG         | 女         | 2003-02-13 | 001303039488     | LE4.22    |         |
| 17  | H72620850200000083 | NGUYEN THI PHUONG      | 女         | 2002-07-23 | 038302014720     | LE4.22    |         |
| 18  | H72620850200000084 | DUONG MAI PHUONG       | 女         | 2008-08-31 | 044308003744     | LE4.22    |         |
| 19  | H72620850200000085 | NGUYEN QUY KIM PHUONG  | 女         | 2009-09-11 | 027309002526     | LE4.22    |         |
| 20  | H72620850200000086 | LE HA PHUONG           | 女         | 2008-06-29 | 024308004144     | LE4.22    |         |
| 21  | H72620850200000087 | NGUYEN THI HONG PHUONG | 女         | 1991-11-18 | 034191003527     | LE4.22    |         |
| 22  | H72620850200000088 | KHONG MINH QUAN        | 男         | 2008-10-30 | 026208010491     | LE4.22    |         |
| 23  | H72620850200000089 | NGUYEN BAO QUYEN       | 女         | 2008-06-22 | 027308002591     | LE4.22    |         |
| 24  | H72620850200000090 | NGUYEN HAI QUYNH       | 女         | 2007-09-08 | 022307012353     | LE4.22    |         |
| 25  | H72620850200000091 | HA THU QUYNH           | 女         | 2003-07-12 | 025303002298     | LE4.22    |         |
| 26  | H72620850200000092 | NGUYEN THI DIEM QUYNH  | 女         | 2008-03-27 | 002638007356     | LE4.22    |         |
| 27  | H72620850200000093 | NGUYEN VAN TAI         | 男         | 2003-03-04 | 040203004642     | LE4.22    |         |
| 28  | H72620850200000094 | NGUYEN ANH TAI         | 男         | 2005-05-19 | 027205011244     | LE4.22    |         |
| 29  | H72620850200000095 | NGUYEN THI MINH TAM    | 女         | 2003-12-06 | 027303001340     | LE4.22    |         |
| 30  | H72620850200000096 | CAO CHIEN THANG        | 男         | 2003-07-18 | 036203010976     | LE4.22    |         |
| 31  | H72620850200000097 | NGUYEN QUANG THANH     | 男         | 2009-07-17 | 024209011077     | LE4.22    |         |
| 32  | H72620850200000098 | NGUYEN PHUONG THAO     | 女         | 2003-09-21 | 030303000306     | LE4.22    |         |
| 33  | H72620850200000099 | VU THI THAO            | 女         | 2002-09-24 | 034302005592     | LE4.22    |         |
| 34  | H72620850200000100 | PHUNG THI PHUONG THAO  | 女         | 2006-03-20 | 019306005891     | LE4.22    |         |
| 35  | H72620850200000101 | NGUYEN THI THAO        | 女         | 2004-11-12 | 027304007681     | LE4.22    |         |
| 36  | H72620850200000102 | DAM KIM THOA           | 女         | 2003-09-17 | 001303022769     | LE4.22    |         |
| 37  | H72620850200000103 | HA THI THOM            | 女         | 2004-12-24 | 034304001940     | LE4.22    |         |
| 38  | H72620850200000104 | DANG DINH THONG        | 男         | 2005-07-26 | 001205003778     | LE4.22    |         |





**ĐẠI HỌC THÁI NGUYÊN**  
**HỘI ĐỒNG THI TIẾNG TRUNG HSK**

**DANH SÁCH THI ĐÁNH GIÁ NĂNG LỰC TIẾNG TRUNG**  
**HỘI ĐỒNG THI NGÀY 11.1.2026 - TRÌNH ĐỘ HSKK Sơ cấp - LR 1.1**

| STT | SBD                | Họ và tên              | Giới tính | Ngày sinh  | Số CCCD/Hộ chiếu | Phòng thi | Ghi chú |
|-----|--------------------|------------------------|-----------|------------|------------------|-----------|---------|
| 1   | H72620850200000105 | PHUNG THI THU HUONG    | 女         | 2001-02-26 | 026301005369     | LR 1.1    |         |
| 2   | H72620850200000106 | LE THI HUONG           | 女         | 1991-03-23 | 038191009350     | LR 1.1    |         |
| 3   | H72620850200000107 | NGUYEN THU HUONG       | 女         | 2003-07-16 | 037303004937     | LR 1.1    |         |
| 4   | H72620850200000108 | NGUYEN THI HUONG       | 女         | 2009 12 16 | 024309000656     | LR 1.1    |         |
| 5   | H72620850200000109 | TRAN QUANG HUY         | 男         | 2002-09-16 | 024202005226     | LR 1.1    |         |
| 6   | H72620850200000110 | TRAN THI PHUONG HUYEN  | 女         | 2008-12-04 | 019308003553     | LR 1.1    |         |
| 7   | H72620850200000111 | NGUYEN THI HUYEN       | 女         | 2003-08-17 | 040303015738     | LR 1.1    |         |
| 8   | H72620850200000112 | TRAN THI THANH HUYEN   | 女         | 2002-08-03 | 025302003959     | LR 1.1    |         |
| 9   | H72620850200000113 | NGUYEN THI KHANH HUYEN | 女         | 2008-03-27 | 027308003072     | LR 1.1    |         |
| 10  | H72620850200000114 | NGUYEN THU HUYEN       | 女         | 2004-06-28 | 034304008483     | LR 1.1    |         |
| 11  | H72620850200000115 | DUONG THI THU HUYEN    | 女         | 2004-01-06 | 026304000065     | LR 1.1    |         |
| 12  | H72620850200000116 | BUI NGOC KHANH         | 女         | 2009-09-17 | 024309000141     | LR 1.1    |         |
| 13  | H72620850200000117 | NGUYEN KHANH LAM       | 女         | 2009-09-26 | 024309004765     | LR 1.1    |         |
| 14  | H72620850200000118 | DUONG THI LAM          | 女         | 2003-02-06 | 008303000670     | LR 1.1    |         |
| 15  | H72620850200000119 | VU THI LAN             | 女         | 2008-10-05 | 027308010431     | LR 1.1    |         |
| 16  | H72620850200000120 | LUU NGOC LINH          | 女         | 2008-09-08 | 019308008075     | LR 1.1    |         |
| 17  | H72620850200000121 | DO THI THUY LINH       | 女         | 2003-10-13 | 034303002443     | LR 1.1    |         |
| 18  | H72620850200000122 | DINH THI THUY LINH     | 女         | 2002-06-02 | 022302006803     | LR 1.1    |         |
| 19  | H72620850200000123 | HOANG PHUONG LINH      | 女         | 2009-03-08 | 012309008357     | LR 1.1    |         |
| 20  | H72620850200000124 | NGUYEN KHANH LINH      | 女         | 2009-12-10 | 015309003576     | LR 1.1    |         |
| 21  | H72620850200000125 | DANG THI PHUONG LINH   | 女         | 1999-11-07 | 001199007359     | LR 1.1    |         |
| 22  | H72620850200000126 | LUU PHAN HA LINH       | 女         | 2008-11-28 | 001308030426     | LR 1.1    |         |
| 23  | H72620850200000127 | NGUYEN KHANH LINH      | 女         | 2007-06-06 | 020307004933     | LR 1.1    |         |
| 24  | H72620850200000128 | NGUYEN HA LINH         | 女         | 2009-02-26 | 027309000440     | LR 1.1    |         |
| 25  | H72620850200000129 | NGUYEN HA LINH         | 女         | 2009-09-21 | 026309001622     | LR 1.1    |         |
| 26  | H72620850200000130 | DINH THI DIEU LINH     | 女         | 2004-03-07 | 001304037314     | LR 1.1    |         |
| 27  | H72620850200000131 | NGUYEN PHUONG LINH     | 女         | 2008-08-15 | 010308009795     | LR 1.1    |         |
| 28  | H72620850200000132 | LUU THI KHANH LINH     | 女         | 2008-06-12 | 001308022894     | LR 1.1    |         |
| 29  | H72620850200000133 | TRAN KHANH LINH        | 女         | 2008-06-16 | 019308001914     | LR 1.1    |         |
| 30  | H72620850200000134 | NGUYEN THI PHUONG LINH | 女         | 2009-06-07 | 034309003097     | LR 1.1    |         |
| 31  | H72620850200000135 | HOANG THI KHANH LINH   | 女         | 2008-01-08 | 024308004403     | LR 1.1    |         |
| 32  | H72620850200000136 | LE NGOC LINH           | 男         | 2009-10-29 | 024209010834     | LR 1.1    |         |
| 33  | H72620850200000137 | NGUYEN NHU LUAT        | 男         | 2008-12-19 | 027208006215     | LR 1.1    |         |
| 34  | H72620850200000138 | TRUONG THI DIEU LY     | 女         | 2004-07-20 | 019304000492     | LR 1.1    |         |





**ĐẠI HỌC THÁI NGUYÊN**  
**HỘI ĐỒNG THI TIẾNG TRUNG HSK**

**DANH SÁCH THI ĐÁNH GIÁ NĂNG LỰC TIẾNG TRUNG**  
**HỘI ĐỒNG THI NGÀY 11.1.2026 - TRÌNH ĐỘ HSKK Sơ cấp - LR 2.5**

| STT | SBD                | Họ và tên              | Giới tính | Ngày sinh  | Số CCCD/Hộ chiếu | Phòng thi | Ghi chú |
|-----|--------------------|------------------------|-----------|------------|------------------|-----------|---------|
| 1   | H72620850200000139 | NGUYEN BAO HAN         | 女         | 2010-09-26 | 019310006149     | LR 2.5    |         |
| 2   | H72620850200000140 | NGO GIA HAN            | 女         | 2008-12-05 | 027308002464     | LR 2.5    |         |
| 3   | H72620850200000141 | LAI THI HANG           | 女         | 2002-04-20 | 040302013378     | LR 2.5    |         |
| 4   | H72620850200000142 | NGUYEN THI KHANH HANG  | 女         | 2008-02-20 | 024308007702     | LR 2.5    |         |
| 5   | H72620850200000143 | NGUYEN THI HANH        | 女         | 2005-10-19 | 0403054684       | LR 2.5    |         |
| 6   | H72620850200000144 | NGUYEN THI THU HIEN    | 女         | 2003-06-10 | 031303001352     | LR 2.5    |         |
| 7   | H72620850200000145 | LE THI THU HIEN        | 女         | 2002-04-18 | 019302002300     | LR 2.5    |         |
| 8   | H72620850200000146 | NGUYEN THI HIEN        | 女         | 2008-12-03 | 027308011270     | LR 2.5    |         |
| 9   | H72620850200000147 | NGUYEN VAN HIEP        | 男         | 2004-08-17 | 035204003274     | LR 2.5    |         |
| 10  | H72620850200000148 | LE THI HOA             | 女         | 2003-11-17 | 040303013171     | LR 2.5    |         |
| 11  | H72620850200000149 | NGUYEN THI HOA         | 女         | 2003-07-24 | 019303002503     | LR 2.5    |         |
| 12  | H72620850200000150 | PHAM KHANH HOA         | 女         | 2008-03-04 | 024308003695     | LR 2.5    |         |
| 13  | H72620850200000151 | MA THI THU HOAI        | 女         | 2005-09-07 | 025305002786     | LR 2.5    |         |
| 14  | H72620850200000152 | NGUYEN THANH HOANG     | 男         | 2004-05-19 | 024204002788     | LR 2.5    |         |
| 15  | H72620850200000153 | NGUYEN CONG HOANG      | 男         | 2000-09-26 | 034200008679     | LR 2.5    |         |
| 16  | H72620850200000154 | LUU THI MAI HONG       | 女         | 1996-06-17 | 036196003444     | LR 2.5    |         |
| 17  | H72620850200000155 | TRAN THI HUE           | 女         | 2002-08-20 | 015302006752     | LR 2.5    |         |
| 18  | H72620850200000156 | PHAM THI HUE           | 女         | 1996-03-11 | 034196012641     | LR 2.5    |         |
| 19  | H72620850200000157 | NGUYEN DUY HUNG        | 男         | 2006-01-29 | 077206002352     | LR 2.5    |         |
| 20  | H72620850200000158 | NGUYEN NANG THANH HUNG | 女         | 2008-10-13 | 027208008199     | LR 2.5    |         |
| 21  | H72620850200000159 | HOANG THI HUONG        | 女         | 1987-11-18 | 033187006542     | LR 2.5    |         |
| 22  | H72620850200000160 | DUONG LUU HUONG        | 女         | 2004-10-10 | 019304002579     | LR 2.5    |         |



**TRUNG TÂM  
KHẢO THÍ  
ĐẠI HỌC THÁI NGUYÊN**  
**HỘI ĐỒNG THI TIẾNG TRUNG HSK**

**DANH SÁCH THI ĐÁNH GIÁ NĂNG LỰC TIẾNG TRUNG**  
**HỘI ĐỒNG THI NGÀY 11.1.2026 - TRÌNH ĐỘ HSKK Sơ cấp - LR 3.10**

| STT | SBD                | Họ và tên              | Giới tính | Ngày sinh  | Số CCCD/Hộ chiếu | Phòng thi | Ghi chú |
|-----|--------------------|------------------------|-----------|------------|------------------|-----------|---------|
| 1   | H72620850200000161 | NGUYEN MINH CHAU       | 女         | 2009-10-22 | 026309001792     | LR 3.10   |         |
| 2   | H72620850200000162 | HO NGUYEN THUY CHI     | 女         | 2010-04-25 | 040310004441     | LR 3.10   |         |
| 3   | H72620850200000163 | PHAN THI LINH CHI      | 女         | 2004-03-05 | 024304005450     | LR 3.10   |         |
| 4   | H72620850200000164 | TRINH ĐỨC TRAN MAI CII | 女         | 2005-02-21 | 001305043794     | LR 3.10   |         |
| 5   | H72620850200000165 | LUU DIEP CHI           | 女         | 2012-12-02 | P03661909        | LR 3.10   |         |
| 6   | H72620850200000166 | TRAN KHANH CHI         | 女         | 2008-09-09 | 033308003248     | LR 3.10   |         |
| 7   | H72620850200000167 | DANG THUY CHI          | 女         | 2008-08-16 | 027308001991     | LR 3.10   |         |
| 8   | H72620850200000168 | HOANG KIM CUC          | 女         | 2004-08-29 | 008304000170     | LR 3.10   |         |
| 9   | H72620850200000169 | NGUYEN DINH DAI        | 男         | 2007-12-26 | 020207002959     | LR 3.10   |         |
| 10  | H72620850200000170 | LE QUANG DUNG          | 男         | 2008-09-10 | 019008201655     | LR 3.10   |         |
| 11  | H72620850200000171 | NGUYEN THI NGOC DUONG  | 女         | 2002-09-26 | 026302003271     | LR 3.10   |         |
| 12  | H72620850200000172 | NGUYEN THI DUYEN       | 女         | 1994-02-10 | 027194011193     | LR 3.10   |         |
| 13  | H72620850200000173 | CHU THI HONG DUYEN     | 女         | 2004-04-22 | 020304001935     | LR 3.10   |         |
| 14  | H72620850200000174 | TRAN HONG GAM          | 女         | 2004-06-10 | 034304002899     | LR 3.10   |         |
| 15  | H72620850200000175 | DANG CONG GIANG        | 男         | 2003-09-28 | 024203004330     | LR 3.10   |         |
| 16  | H72620850200000176 | VU DANG TRUONG GIANG   | 男         | 2003-11-05 | 027203010250     | LR 3.10   |         |
| 17  | H72620850200000177 | NGUYEN THU HA          | 女         | 2000-03-24 | 019300009005     | LR 3.10   |         |
| 18  | H72620850200000178 | NGUYEN MANH HA         | 男         | 2008-11-15 | 025208014396     | LR 3.10   |         |
| 19  | H72620850200000179 | NGUYEN THANH HA        | 女         | 2008-07-02 | 027308005592     | LR 3.10   |         |
| 20  | H72620850200000180 | TA DUC HAI             | 男         | 2005-07-24 | 025205000678     | LR 3.10   |         |
| 21  | H72620850200000181 | HOANG THI THU HAI      | 女         | 2004-02-07 | 017304000894     | LR 3.10   |         |
| 22  | H72620850200000182 | DO NGOC HAI            | 男         | 2007-02-16 | 002207000060     | LR 3.10   |         |



ĐẠI HỌC THÁI NGUYÊN  
HỘI ĐỒNG THI TIẾNG TRUNG HSK



DANH SÁCH THI ĐÁNH GIÁ NĂNG LỰC TIẾNG TRUNG  
HỘI ĐỒNG THI NGÀY 11.1.2026 - TRÌNH ĐỘ HSKK Sơ cấp - LR 3.9

| STT | SBD                | Họ và tên            | Giới tính | Ngày sinh  | Số CCCD/Hộ chiếu | Phòng thi | Ghi chú |
|-----|--------------------|----------------------|-----------|------------|------------------|-----------|---------|
| 1   | H72620850200000183 | VU NGUYEN TUE AN     | 女         | 2012-01-04 | 001312078073     | LR 3.9    |         |
| 2   | H72620850200000184 | NGUYEN NGOC ANH      | 女         | 2008-01-17 | 019308010239     | LR 3.9    |         |
| 3   | H72620850200000185 | DINH LE QUYNH ANH    | 女         | 2007-07-04 | 040307000759     | LR 3.9    |         |
| 4   | H72620850200000186 | THAN NGUYEN MAI ANH  | 女         | 2009-08-15 | 024309007750     | LR 3.9    |         |
| 5   | H72620850200000187 | NGUYEN PHUONG ANH    | 女         | 2008-02-28 | 015308008781     | LR 3.9    |         |
| 6   | H72620850200000188 | PHAM NGOC ANH        | 女         | 2008-04-11 | 019308010608     | LR 3.9    |         |
| 7   | H72620850200000189 | NGUYEN HOANG KY ANH  | 男         | 2007-02-15 | 022207012783     | LR 3.9    |         |
| 8   | H72620850200000190 | NGUYEN THI NGOC ANH  | 女         | 2005-12-02 | 036305004943     | LR 3.9    |         |
| 9   | H72620850200000191 | NGUYEN CONG NGOC ANH | 女         | 2003-07-06 | 001303015407     | LR 3.9    |         |
| 10  | H72620850200000192 | NGUYEN THI VAN ANH   | 女         | 2004-03-22 | 001304007266     | LR 3.9    |         |
| 11  | H72620850200000193 | NGUYEN TUAN ANH      | 男         | 2013-11-24 | 022213007112     | LR 3.9    |         |
| 12  | H72620850200000194 | NGUYEN MINH ANH      | 女         | 2006-12-06 | 001306013098     | LR 3.9    |         |
| 13  | H72620850200000195 | PHAM THUY ANH        | 女         | 2007-04-15 | 038307013075     | LR 3.9    |         |
| 14  | H72620850200000196 | NGUYEN THI LAN ANH   | 女         | 2008-01-28 | 001308039145     | LR 3.9    |         |
| 15  | H72620850200000197 | NGUYEN THI NGOC ANH  | 女         | 1996-06-23 | 001196029421     | LR 3.9    |         |
| 16  | H72620850200000198 | NINH NGOC ANH        | 女         | 2003-01-18 | 019303001428     | LR 3.9    |         |
| 17  | H72620850200000199 | THAN DIEU ANH        | 女         | 2008-01-23 | 024308003084     | LR 3.9    |         |
| 18  | H72620850200000200 | LE NGOC BAO          | 男         | 2009-11-19 | 022209002314     | LR 3.9    |         |
| 19  | H72620850200000201 | NGUYEN THU BICH      | 女         | 2009-01-05 | 026309008771     | LR 3.9    |         |
| 20  | H72620850200000202 | HOANG THI CHAM       | 女         | 2004-04-14 | 020304001428     | LR 3.9    |         |
| 21  | H72620850200000203 | LE HONG CHAM         | 女         | 2004-01-21 | 034304000304     | LR 3.9    |         |
| 22  | H72620850200000204 | LUC KHANH CHAM       | 女         | 2009-01-10 | 019309002111     | LR 3.9    |         |